**6. Cấp Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật trên cạn**

**- Trình tự thực hiện:**

Bước 1: Cơ sở chăn nuôi, cơ sở chăn nuôi cấp xã có nhu cầu cấp Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh gửi hồ sơ qua Fax, E-mail, (sau đó gửi hồ sơ bản chính) hoặc gửi theo đường bưu điện hoặc nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của Chi cục Chăn nuôi, Thú y và Thủy sản tỉnh Bình Dương.

Bước 2:

+ Trường hợp tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ thông qua dịch vụ bưu chính công ích: nhân viên Bưu điện tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra hồ sơ đối chiếu với danh mục tài liệu. Đóng gói hồ sơ, thu phí và chuyển đến Chi cục Chăn nuôi, thú y và Thủy sản.

+ Trường hợp nộp trực tiếp tại Chi cục: Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả tiếp nhận hồ sơ và viết Biên nhận hẹn ngày trả lời kết quả.

Bước 3:

-Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ, Cơ quan thú y kiểm tra tính hợp lệ và thẩm định nội dung của hồ sơ.

+ Trường hợp hồ sơ hợp lệ, Cơ quan thú y thành lập Đoàn kiểm tra, đánh giá (sau đây gọi chung là Đoàn đánh giá) và thông báo kế hoạch kiểm tra, đánh giá cho cơ sở.

+ Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, Cơ quan thú y thông báo bằng văn bản cho cơ sở để sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện.

-Trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày thành lập, Đoàn đánh giá phải thực hiện kiểm tra, đánh giá tại cơ sở.

Bước 4: Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc việc kiểm tra tại cơ sở hoặc kể từ ngày nhận kết quả xét nghiệm, Cơ quan thú y cấp Giấy chứng nhận cho cơ sở đạt yêu cầu; trường hợp không cấp Giấy chứng nhận, Cơ quan thú y phải trả lời bằng văn bản nêu rõ lý do và hướng dẫn cơ sở khắc phục các nội dung chưa đạt yêu cầu.

Đến ngày hẹn tổ chức, cá nhân đến nơi nộp hồ sơ để nhận kết quả hoặc nhận kết quả tại nhà (nếu tổ chức, cá nhân đăng ký dịch vụ chuyển trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính tại địa chỉ yêu cầu).

**- Cách thức thực hiện:**

**+** Nộp hồ sơ qua Fax, E-mail, (sau đó gửi hồ sơ bản chính) hoặc gửi theo đường bưu điện về Chi cục Chăn nuôi, Thú y và Thủy sản Bình Dương hoặc nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của Chi cục Chăn nuôi, Thú y và Thủy sản tỉnh Bình Dương.

+ Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả hoặc qua dịch vụ bưu điện đến địa chỉ tổ chức, cá nhân yêu cầu.

**- Thành phần, số lượng hồ sơ:**

**+ Thành phần hồ sơ:**

🞄 Đối với các cơ sở chăn nuôi, chủ cơ sở nộp hồ sơ bao gồm:

a) Đơn đăng ký (Phụ lục VIa);

b) Báo cáo điều kiện cơ sở an toàn dịch bệnh động vật trên cạn (Phụ lục IIa);

c) Báo cáo kết quả giám sát dịch bệnh động vật tại cơ sở;

d) Bản sao kết quả kiểm tra, phân loại cơ sở còn hiệu lực (nếu có) theo quy định tại Thông tư số 45/2014/TT-BNNPTNT ngày 03/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định việc kiểm tra cơ sở sản xuất, kinh doanh vật tư nông nghiệp và kiểm tra, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm (sau đây gọi chung là Thông tư số 45/2014/TT-BNNPTNT);

đ) Bản sao Giấy chứng nhận VietGAP (đối với cơ sở chăn nuôi động vật trên cạn) còn hiệu lực (nếu có).

🞄 Đối với cơ sở chăn nuôi cấp xã, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nộp hồ sơ bao gồm:

a) Văn bản đề nghị (Phụ lục VIb);

b) Báo cáo điều kiện cơ sở an toàn dịch bệnh động vật trên cạn đối với cơ sở chăn nuôi cấp xã (Phụ lục IIb);

c) Báo cáo kết quả giám sát dịch bệnh động vật tại cơ sở.

**+ Số lượng hồ sơ:** 01 bộ.

**- Thời hạn giải quyết:** 20 ngày làm việc.

**- Đối tượng thực hiện TTHC:** Cơ sở chăn nuôi, cơ sở chăn nuôi cấp xã trong nước và nước ngoài có hoạt động chăn nuôi tại Việt Nam.

**- Cơ quan thực hiện TTHC:**

\* Cơ quan có thẩm quyền quyết định theo quy định: Chi cục Chăn nuôi, Thú y và Thủy sản.

\* Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không.

\* Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Chi cục Chăn nuôi, Thú y và Thủy sản.

\* Cơ quan phối hợp (nếu có): Không

**- Kết quả của việc thực hiện TTHC:** Giấy chứng nhận.Thời hạn của Giấy chứng nhận: 05 năm.

**- Phí, lệ phí (nếu có):**

Thẩm định cơ sở chăn nuôi, cơ sở chăn nuôi cấp xã, cơ sở nuôi trồng thủy sản, cơ sở sản xuất thủy sản giống là cơ sở an toàn dịch bệnh (do cơ quan quản lý thú y địa phương thực hiện); Thẩm định chương trình giám sát dịch bệnh động vật để được miễn kiểm dịch (bao gồm cả thủy sản): 300.000 đồng/lần.

**- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có):**

+ Đơn đăng ký (Phụ lục VIa ban hành kèm theo Thông tư số 14/2016/TT-BNNPTNT ngày 02/6/2016 của BNN và PTNT)

+ Báo cáo điều kiện cơ sở an toàn dịch bệnh động vật trên cạn (Phụ lục IIa ban hành kèm theo Thông tư số 14/2016/TT-BNNPTNT ngày 02/6/2016 của BNN và PTNT)

+Văn bản đề nghị (Phụ lục VIb ban hành kèm theo Thông tư số 14/2016/TT-BNNPTNT ngày 02/6/2016 của BNN và PTNT)

+ Báo cáo điều kiện cơ sở an toàn dịch bệnh động vật trên cạn đối với cơ sở chăn nuôi cấp xã (Phụ lục IIb ban hành kèm theo Thông tư số 14/2016/TT-BNNPTNT ngày 02/6/2016 của BNN và PTNT)

**- Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC (nếu có):** Các cơ sở cần đáp ứng đầy đủ một số yêu cầu điều kiện vệ sinh thú y theo quy định của ngành.

**- Căn cứ pháp lý của TTHC:**

+ Luật Thú y số 79/2015/QH13 Quốc hội thông qua ngày 19/6/2015;

+ Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Thú y;

+ Thông tư số 14/2016/TT-BNNPTNT ngày 02 tháng 6 năm 2016 Quy định về vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh động vật;

+ Thông tư số 285/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y.

**PHỤ LỤC VIA**  
*(Ban hành kèm theo Thông tư số 14/2016/TT-BNNPTNT ngày 02 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*.................., ngày tháng năm ……..*

**ĐƠN ĐĂNG KÝ**

**CHỨNG NHẬN CƠ SỞ AN TOÀN DỊCH BỆNH ĐỘNG VẬT**

Kính gửi: (Tên cơ quan thú y)

**1. Tên cơ sở:**

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax: Email:

**2. Tên chủ cơ sở:**

Địa chỉ thường trú:

Điện thoại: Fax: Email:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **3. Đăng ký chứng nhận:** | € Lần đầu | € Đánh giá lại |
|  | € Cấp lại | € Bổ sung |
|  | € Cấp đổi |  |
|  | Lý do khác: .................................... ................ | |

*(ghi cụ thể lý do đối với trường hợp Cấp đổi: .........…………………………...*

…………………………………………………………………………………..)

**4. Loại hình hoạt động: €**Sản xuất giống € Nuôi thương phẩm € Làm cảnh

**5. Thị trường tiêu thụ:**€ Nội địa € Xuất khẩu € Cả nội địa, xuất khẩu

**6. Cơ sở đăng ký chứng nhận an toàn đối với bệnh** .................................

trên đối tượng….......................................................................................................

**7. Hồ sơ đăng ký gồm:***(Liệt kê thành phần hồ sơ theo quy định).*

|  |  |
| --- | --- |
|  | **Người làm đơn** *(ký tên, đóng dấu) (\*)* |

*(\*) Ghi rõ họ tên, đóng dấu (đối với cơ sở có sử dụng dấu)*

**PHỤ LỤC VIB**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 14/2016/TT-BNNPTNT ngày 02 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)*

|  |  |
| --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ/PHƯỜNG/THỊ TRẤN…** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: ………………… | *………., ngày ..… tháng…… năm .....* |
| V/v đăng ký chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật trên cạn |  |

Kính gửi: (Tên Cơ quan thú y)

Thực hiện quy định tại Thông tư số /2016/TT-BNNPTNT ngày tháng năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh động vật, Ủy ban nhân dân xã/phường/thị trấn ……….. đề nghị (tên Cơ quan thú y) xét duyệt hồ sơ đăng ký và cấp/cấp lại/cấp đổi Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật trên cạn.

Thông tin liên lạc:…………………………………………………………………

Họ và tên:…………………………………………………………………………

Chức vụ:……………………………………………………………………………

Địa chỉ:…………………………………………………………………………….

Điện thoại:…………………………………………………………………............

Kèm theo là …………………………………………….../.

(Trường hợp cấp đổi phải ghi rõ lý do)

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Như trên; - UBND huyện (để báo cáo); - ...................; - Lưu: ........ | **TM. ỦY BAN NHÂN DÂN CHỦ TỊCH** *(Ký tên, đóng dấu)* |

**PHỤ LỤC IIA**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 14/2016/TT-BNNPTNT ngày 02 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*…………, ngày …… tháng…… năm …….*

**BÁO CÁO ĐIỀU KIỆN**

**CƠ SỞ AN TOÀN DỊCH BỆNH ĐỘNG VẬT TRÊN CẠN**

Kính gửi:

Họ và tên chủ cơ sở chăn nuôi:

Địa chỉ: Điện thoại

**1. Mô tả vị trí địa lý**

- Tổng diện tích đất tự nhiên

- Vùng tiếp giáp xung quanh

**2. Cơ sở vật chất**

- Hàng rào (tường) ngăn cách: Có. . . . Không . . . . .

- Khu hành chính gồm: Phòng thường trực Có ........ Không ...............

Phòng giao dịch: Có ......... Không ................

- Khu chăn nuôi: *Ví dụ: Số nhà nuôi lợn nái ........... Tổng diện tích ............*

*Số nhà nuôi lợn đực giống .............Tổng diện tích ...................*

*Số nhà nuôi lợn thịt, lợn choai . . . Tổng diện tích...................*

- Khu nhà kho: Có kho thức ăn riêng biệt với diện tích ................................

Có kho chứa dụng cụ, phương tiện chăn nuôi với diện tích ....

- Khu xử lý chất thải: Bể hoặc nơi tập trung chất thải: Có . . . . Không. . . . .

*(Nếu có mô tả hệ thống xử lý chất thải)*

- Khu cách ly: Cách ly gia súc mới nhập: Có . . . . Không. . . .

Cách ly gia súc bệnh: Có. . . . .Không. . . .

*(Nếu có mô tả quy mô, khoảng cách với khu khác).*

- Khu tiêu hủy gia súc bệnh: Có. . . .Không . . . .

- Quần áo, ủng, mũ dùng trong khu chăn nuôi: Có . . . . Không . . ..

- Phòng thay quần áo: Có. . . . .Không . . . .

- Phòng tắm sát trùng trước khi vào khu chăn nuôi: Có. . . . Không. . . .

*(Nếu có mô tả phòng tắm, hoá chất sát trùng).*

- Hố sát trùng ở cổng trước khi vào trại: Có. . . . Không . . . . .

*(Nếu có mô tả, hoá chất sát trùng).*

**3. Quy mô, cơ cấu đàn, sản phẩm, sản lượng**

- Quy mô: Tổng đàn: . . . .

- Cơ cấu đàn: *Ví dụ: Lợn nái . . . . .con*

*Lợn đực giống . . . .con*

*Lợn con theo mẹ: sơ sinh đến khi cai sữa (theo mẹ).*

*Lợn con > 2 tháng đến < 4 tháng (lợn choai): . . . .*

*Lợn thịt > 4 tháng: .................................................*

- Sản phẩm bán ra: *(loại gia súc gì)*. . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . .

- Sản lượng hàng năm đối với mỗi loại sản phẩm:

**4. Nguồn nhân lực**

- Người quản lý:

- Số công nhân chăn nuôi: ..... Số được đào tạo .....Số chưa được đào tạo.....

- Cán bộ thú y chuyên trách hay kiêm nhiệm, trình độ?

**15. Hệ thống quản lý chăn nuôi**

- Gồm những giống gia súc gì ? nhập từ đâu?

- Nguồn thức ăn tổng hợp? tự chế biến ? thức ăn xanh?

- Nguồn nước uống: nước máy, giếng khoan, nước tự nhiên?

- Chăm sóc quản lý: Sử dụng loại máng ăn, máng uống, thời gian cho ăn, số lần trong ngày, thời gian tắm.

Hệ thống ghi chép: lý lịch gia súc, ngày phối, ngày đẻ, số con sinh ra, tỷ lệ nuôi sống, ngày chu chuyển đàn, ...

- Chế độ vệ sinh chuồng trại trong ngày, trong tuần, tháng làm gì?

- Quy trình chăn nuôi đối với từng lứa tuổi, loại động vật: Có. .. Không . . . .

*(nếu có cung cấp bản photo kèm theo)*

- Nội quy ra vào trại: Có. . . . Không . . . .

*(Nếu có photo kèm theo)*

- Chế độ tiêm phòng: Loại vắc-xin, thời gian tiêm?

- Nơi tiêu thụ sản phẩm: Bán cho Công ty hoặc xí nghiệp nào?

- Tình hình chăn nuôi khu vực xung quanh bán kính cách trại 1 km: Người dân xung quanh chăn nuôi chủ yếu là con gì? ước tính số lượng mỗi loài, quy mô và phương thức chăn nuôi?

**6. Tình hình dịch bệnh ở trại trong 12 tháng qua**

- Tình hình dịch bệnh động vật tại trại?

- Công tác tiêm phòng hàng năm, đại trà, bổ sung, số lượng, tỷ lệ tiêm mỗi loại bệnh.

- Kết quả thực hiện giám sát dịch bệnh động vật tại trại?

- Tủ thuốc thú y gồm các loại thuốc, dụng cụ gì? Trị giá bao nhiêu?

|  |  |
| --- | --- |
|  | *................., ngày.......tháng.......năm.......* **Chủ cơ sở** |

*Ghi chú:*

*Nếu có hoặc không đánh dấu " v"*

**PHỤ LỤC IIB**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 14/2016/TT-BNNPTNT ngày 02 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)*

|  |  |
| --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂN …..** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: …………………… | *………, ngày …… tháng …… năm ……* |

**BÁO CÁO ĐIỀU KIỆN CƠ SỞ AN TOÀN DỊCH BỆNH ĐỘNG VẬT ĐỐI VỚI CƠ SỞ CHĂN NUÔI CẤP XÃ**

Kính gửi: (Tên cơ quan thú y)

**I. ĐIỀU KIỆN CỦA VÙNG**

1. Địa điểm vùng an toàn dịch bệnh:

2. Địa lý tự nhiên:

3. Khí hậu, thời tiết:

4. Giao thông:

5. Sông rạch:

6. Đặc điểm kinh tế - xã hội:

7. Hệ thống thú y:

**II. CHĂN NUÔI VÀ TÌNH HÌNH DỊCH BỆNH**

1. Đặc điểm, tình hình phát triển chăn nuôi gia súc, gia cầm trên địa bàn:

2. Tình hình dịch bệnh động vật trên địa bàn trong năm, nêu rõ nguyên nhân, nhận định tình hình:

**III. KẾ HOẠCH XÂY DỰNG VÀ QUẢN LÝ VÙNG AN TOÀN DỊCH BỆNH**

1. Mục đích, yêu cầu

2. Nội dung kế hoạch

3. Giải pháp thực hiện kế hoạch

3.1. Về tổ chức, chỉ đạo, thanh tra, kiểm tra

3.2. Về nguồn lực

a) Dự trù vật tư, hóa chất, kinh phí và nguồn nhân lực để triển khai các biện pháp phòng, chống dịch.

b) Dự trù các trang thiết bị cần đầu tư, bổ sung, hiệu chỉnh để phục vụ công tác chẩn đoán xét nghiệm, giám sát, điều tra ổ dịch, xây dựng bản đồ dịch tễ và phân tích số liệu.

3.3. Kế hoạch sử dụng vắc xin (nêu kết quả cụ thể)

3.4. Chương trình giám sát dịch bệnh (nêu kết quả cụ thể)

3.5. Các giải pháp kỹ thuật khác

a) Các biện pháp xử lý khi có dịch bệnh xảy ra.

b) Về vệ sinh, khử trùng tiêu độc.

c) Về kiểm dịch vận chuyển

d) Kiểm soát giết mổ, kiểm tra vệ sinh thú y

đ) Về quản lý hoạt động kinh doanh thuốc thú y

e) Quản lý người hành nghề thú y

3.6. Giải pháp về thông tin, tuyên truyền cho các tổ chức, cá nhân có hoạt động thú y trên địa bàn; tập huấn cho người chăn nuôi, nhân viên thú y xã, công chức, viên chức, người lao động trong hệ thống thú y địa phương về chuyên môn, nghiệp vụ, chủ trương, chính sách, các quy định của nhà nước, các văn bản hướng dẫn của cơ quan quản lý chuyên ngành thú y.

4. Nguồn kinh phí và cơ chế tài chính

5. Tổ chức thực hiện

Phân công trách nhiệm cụ thể cho các cơ quan, đơn vị có liên quan để triển khai Kế hoạch; tổ chức thanh tra, kiểm tra việc thực hiện Kế hoạch.

**IV. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ**

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Như trên; - ...................; - Cơ quan Thú y vùng; - Lưu: ........ | **TM. ỦY BAN NHÂN DÂN CHỦ TỊCH** *(Ký tên, đóng dấu)* |